

140. KINH GIỚI PHÂN BIỆT (*Dhātuvibhaṅga Sutta*)¹

342. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rājagaha (Vương Xá), đến nhà thợ gốm Bhaggava;² sau khi đến, nói với thợ gốm Bhaggava:

– Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.

– Bạch Thế Tôn, không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy đồng ý, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, thiện gia nam tử Pukkusāti,³ do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến thiện gia nam tử Pukkusāti; sau khi đến, nói với Pukkusāti:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi,⁴ thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm. Hiền giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi [như vậy]. Tôn giả Pukkusāti trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi [như vậy]. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: “Cử chỉ thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy.” Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusāti:

– Này Tỷ-kheo, ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của ông? Ông chấp nhận pháp của ai?

– Thưa Tôn giả, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy:

¹ Xem *D.* III. 207; *S.* IV. 201; *A.* III. 279; *MNid.* 116. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Phân biệt lục giới kinh* 分別六界經 (*T.*01. 0026.162. 0690a19). Tham chiếu: *Phật thuyết Bình-sa Vương ngũ nguyện kinh* 佛說滌沙王五願經 (*T.*14. 0511. 0779a06).

² Ở đây, người thợ gốm có thể tên là Bhaggava. Xem *M.* II. 52; *MLS.* II. 248.

³ P. Pukkusāti; H. 弗迦邏娑利. *MA.* V. 33-5 có viết một tiểu sử khá dài của vị Tỷ-kheo này. Xem *DPPN.*

⁴ *Urunda* có thể là *uruddha*, nghĩa là có chỗ để thờ. *MA.* V. 47 giải thích là *vivitta*, nghĩa là chỗ thanh vắng, nhàn tịnh và *asambhādha*, nghĩa là không đông người.

“Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– Nay Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?

– Thưa Tôn giả, có một thành phố tên là Sāvatti giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hiện nay đang ở.

– Nay Tỷ-kheo, trước đây ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, ông có nhận ra không?

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: “Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho thiện gia nam tử ấy.” Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusāti:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả, vâng.

Tôn giả Pukkusāti vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

343. – Nay Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xú, mười tám ý hành,⁵ bốn thắng xú,⁶ khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ân sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng tuệ thí (*cāga*), hãy tu học tịch tịnh.⁷ Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.⁸

344. Nay Tỷ-kheo, khi được nói đến: “Người này có sáu giới”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Nay Tỷ-kheo, khi được nói đến: “Người này có sáu giới”, chính do duyên này, được nói đến như vậy.

345. Nay Tỷ-kheo, khi được nói đến: “Người này có sáu xúc xú”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Nhãn xúc xú, nhĩ xúc xú, tỷ xúc xú, thiệt xúc xú, thân xúc xú, ý xúc xú. Khi được nói đến: “Người này có sáu xúc xú”, chính do duyên này, được nói đến như vậy.

346. Nay Tỷ-kheo, khi được nói đến: “Người này có mười tám ý hành”,

⁵ Xem M. III. 216. Ba đoạn đầu cũng được A. I. 175 giải thích, nhưng đề cập đến Tứ đế, thay thế cho Bốn thắng xú.

⁶ D. III. 229.

⁷ Thứ tự ở đây có khác với đoạn giải thích phần sau.

⁸ Kinh Hán tạng viết như sau: “Nhân hữu lục giới tụ, lục xúc xú, thập bát ý hành, tứ trụ xú”; 人有六界聚，六觸處，十八意行，四住處 (T.01. 0026.162. 0690b22), không khác với bản Pāli. Đoạn tiếp có nhiều chỗ khác: “Nếu có trú, vị ấy không nghe các sự ưu buồn; sau khi không nghe các sự ưu buồn, ý không ghét, không lo, không phiền lao, cũng không sợ hãi. Như vậy có lời dạy không buông lung trí tuệ, thủ hộ chân đế, trưởng dưỡng tuệ thí. Tỷ-kheo nên học tối thượng, nên học chỉ tịch, phân biệt 6 giới.” (T.01. 0026.148. 0660b01).

do duyên gì, được nói đến như vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc khởi lên hỷ, chạy theo sắc khởi lên ưu, chạy theo sắc khởi lên xả;⁹ khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp khởi lên hỷ, chạy theo pháp khởi lên ưu, chạy theo pháp khởi lên xả. Như vậy, có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến: “Người này có mười tám ý hành”, chính do duyên này, được nói đến như vậy.

347. Nay Tỷ-kheo, khi được nói đến: “Người này có Bốn thắng xứ”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Tuệ thắng xứ, Đế thắng xứ, Tuệ thí thắng xứ, Tịch tịnh thắng xứ.¹⁰ Khi được nói đến: “Người này có Bốn thắng xứ”, chính do duyên này, được nói đến như vậy.

348. Khi được nói đến: “Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng tuệ thí, hãy tu học tịch tịnh”, do duyên gì, được nói đến như vậy? Thế nào là không buông lung trí tuệ? Có sáu giới này: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

349. Nay Tỷ-kheo, thế nào là địa giới?¹¹ Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội địa giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.” Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

350. Và này Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội thủy giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiêu và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.” Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

⁹ Kinh Hán tạng viết: “Vị Tỷ-kheo nhãn kiến sắc, quán sắc hỷ trú, quán sắc ưu trú, quán sắc xả trú”; 謂比丘眼見色, 觀色喜住, 觀色憂住, 觀色捨住. (T.01. 0026.162. 0690b29).

¹⁰ Kinh Hán tạng viết: “Vị chân đế trú xứ, tuệ trú xứ, thi trú xứ, tức trú xứ”; 謂真諦住處, 慧住處, 施住處, 息住處. (T.01. 0026.162. 0690c09).

¹¹ Cho đến hư không giới, xem *M.* I. 421ff; I. 185ff; *MLS.* I. 231ff.

351. Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội hỏa giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa hay tất cả những vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.” Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

352. Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội phong giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.” Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

353. Và này Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội hư không giới? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được tổng xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và những gì thuộc ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.” Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

354. Lại nữa, khi thức còn lại được trong sạch, thanh tịnh, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc. Này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: “Tôi cảm giác lạc thọ.” Do lạc xúc ấy diệt

đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: “Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt.”

355. Nay Tỷ-kheo, duyên khổ xúc, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: “Tôi cảm giác khổ thọ.” Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: “Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt.”

356. Nay Tỷ-kheo, duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri rằng: “Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ.” Do bất khổ bất lạc xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: “Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt.”

357. Nay Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt. Cũng vậy, nay Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: “Tôi đang cảm giác lạc thọ.” Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: “Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt.”

358. Nay Tỷ-kheo, duyên khổ xúc, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: “Tôi đang cảm giác khổ thọ.” Do khổ xúc... được chấm dứt.”

359. Nay Tỷ-kheo, duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt.”

360. Lại nữa, khi xả còn lại được trong sạch, thanh tịnh, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng. Ví như, nay Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người đệ tử sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kèm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò, rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng láng, sạch sẽ, gột sạch, các uế tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn và chói sáng... Và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy. Cũng vậy, nay Tỷ-kheo, lại nữa, khi xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng.

361. Người ấy tuệ tri như sau: “Nếu ta tập trung xả này, thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này, thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy,

chấp thủ tại đây, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đây, chấp thủ tại đây, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này, thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Phi tướng phi phi tướng xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đây, chấp thủ tại đây, được an trú nơi ta trong một thời gian dài.”

362. Người ấy tuệ tri như sau: “Nếu ta tập trung xả này, thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tướng phi phi tướng xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời [xả] ấy¹² trở thành pháp hữu vi.” Vị ấy không tác thành, không suy tưởng¹³ đến hữu hay phi hữu.¹⁴ Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời, chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa.”

363. Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: “Thọ ấy là vô thường”; vị ấy tuệ tri: “Không nên đắm trước”; vị ấy tuệ tri: “Không phải là đối tượng để hoan hỷ.” Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy tuệ tri: “Thọ ấy là vô thường”; vị ấy tuệ tri: “Không nên đắm trước”; vị ấy tuệ tri: “Không phải là đối tượng để hoan hỷ.” Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: “Thọ ấy là vô thường”; vị ấy tuệ tri: “Không nên đắm trước”; vị ấy tuệ tri: “Không phải là đối tượng để hoan hỷ.”

364. Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, vị ấy tuệ tri: “Ta cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu.”¹⁵ Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: “Ta cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu”; vị ấy tuệ tri: “Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương.”

365. Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy đỏ nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt... Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: “Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu.” Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: “Tôi cảm giác

¹² Chữ *etam* có thể chỉ cho thọ mạng (*āyu*) như *MA. V. 55*: “Dầu cho thọ mạng này đến hai mươi ngàn kiếp... thọ mạng này cũng không thường còn...”

¹³ Ở đây nói về quả A-la-hán.

¹⁴ *Bhava* và *vibhava*, được gọi là tăng và giảm, cũng liên hệ đến Thường kiến và Đoạn kiến.

¹⁵ *D. I. 46; II. 128; S. II. 83; A. II. 198.*

một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu”; vị ấy tuệ tri: “Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương.”

Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với Tối thắng tuệ thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là Tối thắng Thánh tuệ, nghĩa là trí, biết sự đoạn tận mọi đau khổ.

366. Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào chân đế, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng; cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với Tối thắng đế thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là Tối thắng Thánh đế, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng.

367. Và những sanh y vô trí thức trước của nó¹⁶ đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với Tối thắng tuệ thí thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là Tối thắng Thánh tuệ thí, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

368. Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa.

Và sự phần nộ vô trí thức trước của nó, thuộc sân hận, thuộc tội quá, pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa-la không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu Tối thắng tịch tịnh thắng xứ. Này Tỷ-kheo, như vậy là Tối thắng Thánh tịch tịnh, tức là sự tịch tịnh tham, sân, si.

Khi được nói đến: “Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn tuệ thí, hãy tu học tịch tịnh”, chính do duyên này, được nói đến như vậy.

369. Khi được nói đến: “Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ân sĩ tịch tịnh.” Do duyên gì, được nói đến như vậy? Này Tỷ-kheo, “Tôi là”, như vậy là vọng tưởng; “Tôi là cái này”, như vậy là vọng tưởng; “Tôi sẽ là”, như vậy là vọng tưởng; “Tôi sẽ không là”, như vậy là vọng tưởng; “Tôi sẽ có sắc”, như vậy là vọng tưởng; “Tôi sẽ không có sắc”, như vậy là vọng tưởng; “Tôi sẽ có tướng”, như vậy là vọng tưởng; “Tôi sẽ không có tướng”, như vậy là vọng tưởng; “Tôi

¹⁶ Đối với các uẩn, đối với các phiền não, đối với các hành (*abhisankhārā*) và đối với năm dục công đức. Xem *MA*. V. 60.

sẽ không có tướng, không không có tướng”, như vậy là vọng tưởng. Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướng, vọng tưởng là mũi tên. Này Tỷ-kheo, khi vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh. Nhưng này Tỷ-kheo, vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu. Vì không có cái gì để có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết, làm sao dao động được? Không dao động, làm sao hy cầu? Khi được nói đến: “Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh.” Do chính duyên này, được nói đến như vậy. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt của Ta về sáu giới.

370. Rồi Tôn giả Pukkusāti nghĩ như sau: “Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!” Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo như con đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai!

– Này Tỷ-kheo, thật vậy, ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì ông đã nghĩ rằng ông có thể xưng hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, nếu ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thời Ta chấp nhận [lỗi lầm] ấy cho ông. Vì rằng, này Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ Cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Này Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao Cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

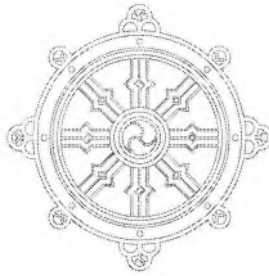
Rồi Tôn giả Pukkusāti sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusāti đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống [của Tôn giả].

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thiện gia nam tử Pukkusāti được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống tương lai như thế nào?

– Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả,¹⁷ thiện gia nam tử Pukkusāti, đã chấp hành chánh pháp và tùy pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, thiện gia nam tử Pukkusāti, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời này nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



¹⁷ M. II. 146.

